

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1010/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 07/11/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**
2/ Ông **Nguyễn Chí Cao**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trọng Long** – Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27/6/2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 513/2018/HNGĐ-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận P bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4730/2018/QĐ-PT ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thu N**, sinh năm 1961

Địa chỉ: 183/3D ấp T3, xã H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều T**

Địa chỉ: 1B T, Phường 8, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2013)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thái N** – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thái N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phí Văn H**, sinh năm 1945

Địa chỉ: 245/3 đường C, phường 2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 166 Đường Đ, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phó Thị Thu N1**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 233/3 Đường C, phường 2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 71/7 đường C, phường 26, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Thu N là nguyên đơn.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/9/1991, bà Võ Thị Thu N và ông Phí Văn H ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 117/TL của Tòa Án nhân dân Quận P. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông H là căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ly hôn, ông H đã bán $\frac{1}{2}$ diện tích căn nhà trên cho bà Tô Thị Thanh Thủy. Ngày 08/8/1996, ông H lại làm giấy nhận cọc bán $\frac{1}{2}$ diện tích căn nhà còn lại cho bà Phó Thị Thu N1 với giá 23 cây vàng 9,5 tuổi và đã nhận cọc 17.000.000 đồng. Bà N không có ý kiến việc ông H bán $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc phần sở hữu của ông nhưng phần sở hữu của bà mà ông H đã bán cho Bà N1 thì bà không đồng ý. Bà N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P, yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc (giấy đặt cọc tiền mua nhà) ngày 27/3/1998 giữa ông H và Bà N1, hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà còn lại cho bà N.

Bị đơn ông Phí Văn H trình bày nguồn gốc hợp đồng đặt cọc mua bán nhà với Bà N1 vào ngày 27/3/1998 là do ông vay tiền của Bà N1 nhiều lần mà không có tiền trả nên phải bán nhà để trừ nợ. Việc ông bán nhà cho Bà N1, bà N không biết. Tiền bán nhà một phần ông đã tiêu xài mục đích cá nhân, một phần để lo cho các con vì khi ly hôn ông là người trực tiếp nuôi 03 con chung chưa thành niên. Ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc chia tài sản theo quyết định ly hôn và cùng với yêu cầu hủy giấy đặt cọc mua bán nhà với Bà N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phó Thị Thu N1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn. Về việc mua bán nhà thì bà xác định vào thời điểm ông H bán nhà cho bà, bà N có biết sự việc trên nhưng đã không có ý kiến gì. Căn nhà ông H đã bán cho bà từ năm 1998, bà đã sử dụng ổn định, lâu dài cũng như đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế đất. Bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu độc lập công nhận căn nhà số 88/4 (số cũ là 245/3) Đường C, phường 2, Quận P thuộc quyền sở hữu của bà.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 513/2018/HNGĐ-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị Thu N, buộc ông Phí Văn H phải thực hiện thỏa thuận chia tài sản sau khi ly hôn, hoàn trả cho bà N số tiền 1.092.605.940 đồng

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu N yêu cầu hủy giấy đặt cọc mua bán nhà ngày 27/3/1998 giữa ông Phí Văn H và bà Phó Thị Thu N1.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phó Thị Thu N1. Công nhận quyền sở hữu của Bà N1 đối với căn nhà 88/4 (số cũ 254/3) Đường C, phường 2, Quận P. Bà N1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục mua bán nhà theo quy định pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/5/2018, nguyên đơn bà Võ Thị Thu N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 513/2018/HNGĐ-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận P.

Ngày 23/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận P có quyết định số 08/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án số 513/2018/HNGĐ-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận P. Lý do kháng nghị: Ông H và bà N kết hôn năm 1975, hai người có 03 người con chung là Phí Văn H3, sinh năm 1976; Phí Văn Anh H4, sinh năm 1978; Phí Sơn H5, sinh năm 1983. Căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P là tài sản chung của ông bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự số 117/QĐ-CNTT ngày 15/9/1991 của Tòa Án nhân dân Quận P. Các bên đã thỏa thuận về tài sản như sau: *“riêng căn nhà 245/3 Đường C, phường 2, Quận P đã có chủ quyền, ông H tạm sử dụng căn nhà cùng các con, nếu sau này bán nhà thì ông H sở hữu 1/2 tiền bán nhà, còn lại 1/2 tiền bán nhà mà bà N được sở hữu bà đồng ý cho ba trẻ con chung. Ông H có trách nhiệm gửi 1/2 số tiền bán nhà vào ngân hàng đến khi các trẻ trưởng thành thì giao lại”*. Bản án chia tài sản chung sau khi ly hôn nhưng không xem xét đến 03 người con để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án chưa tiến hành xác minh thông tin về Phí Văn H3 còn sống hay đã chết theo như lời khai của đương sự. Như vậy, sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Ngày 05/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận P có quyết định số 23/QĐKNPT-VKS-DS rút toàn bộ kháng nghị nêu trên. Đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên việc rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận P.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng án sơ thẩm công nhận giao dịch mua bán phần nhà giữa ông H và Bà N1 là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Bị đơn ông Phí Văn H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phó Thị Thu N1 không đồng ý với kháng cáo của bà N. Bà yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm đối với phần giải quyết liên quan đến bà.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Việc Viện Kiểm sát rút kháng nghị là có căn cứ. Yêu cầu của bà N đòi ông H trả lại ½ căn nhà 245/3 Đường C, phường 2, Quận P theo Quyết định thuận tình ly hôn số 117/TL ngày 15/9/1991 của Tòa án nhân dân Quận P. ½ Căn nhà này là tài sản riêng của bà N, bà N mới có quyền định đoạt. Bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng, áp dụng pháp luật về nội dung không đúng xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Việc ông H bán ½ căn nhà cho Bà N1 chưa lập thành văn bản và chưa có công chứng chứng thực theo Điều 443, Điều 444 Bộ luật Dân sự năm 1995; chưa tuân thủ Điều 23, Điều 126 Luật Nhà ở, việc mua bán không có sự đồng ý của bà N. Phần nhà bán không đảm bảo diện tích tối thiểu vi phạm Quyết định số 33 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; cấp sơ thẩm không xác minh Phí Văn Hạnh còn sống hay đã chết, không đưa các con ông H – bà N vào tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/TL ngày 15/9/1991 của Tòa án nhân dân Quận P thì bà N và ông H đã thỏa thuận như sau: nếu sau này bán nhà thì ông H sở hữu ½ tiền bán nhà, còn lại ½ tiền bán nhà mà bà N được sở hữu bà đồng ý cho ba trẻ con chung. Ông H có trách nhiệm gửi ½ số tiền bán nhà vào ngân hàng đến khi các trẻ trưởng thành thì giao lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P ông đã chia đôi để bán. ½ căn nhà bán vào năm 1991 cho bà Tô Thị Thanh Thủy. ½ căn nhà còn lại bán cho Bà N1 vào năm 1995 nhưng ông chưa thực hiện việc gửi tiền vào Ngân hàng cho các con. Như vậy, căn nhà của bà N và ông H đã được chia bằng quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Ông H vi phạm thỏa thuận, nếu các con thấy quyền lợi bị vi phạm có quyền khởi kiện ông H. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án phải trả đơn khởi kiện nhưng Tòa án Quận P đã thụ lý giải

quyết tại Bản án số 513/2018/HNGĐ-ST ngày 11/5/2018 là không đúng quy định pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà N. Đối với yêu cầu độc lập của Bà N1 không kháng cáo nên giữ nguyên; kháng nghị đã rút đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thu N, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát Quận P còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa, án sơ thẩm nhận định không cần thiết đưa ông H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có ai đề nghị triệu tập ông H1 vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

Bà Phó Thị Thu N1 có đơn từ chối luật sư đề ngày 23/10/2018 nên Luật sư Nguyễn Công Khanh không tham gia phiên tòa.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của bà Võ Thị Thu N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Võ Thị Thu N và ông Phí Văn H chung sống với nhau vào năm 1975. Trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn nên nộp đơn ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 117/TL ngày 15/9/1991 của Tòa án nhân dân Quận P thì ông Phí Văn H và bà Võ Thị Thu N thuận tình ly hôn. Về con chung: Có 03 người con: Phi Văn Hạnh, sinh năm 1976; Phi Văn Anh Hào, sinh năm 1978; Phi Sơn Hải, sinh năm 1983. Hai bên thống nhất giao ông H nuôi giữ đến trưởng thành, ông không yêu cầu bà N phụ cấp nuôi con.

Về tài sản chung: "...riêng căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P đã có chủ quyền, hai bên thỏa thuận: ông H tạm sử dụng căn nhà cùng các con, nếu sau này bán nhà thì ông H sở hữu ½ tiền bán nhà, còn lại ½ tiền bán nhà mà bà N được sở hữu bà đồng ý cho ba trẻ con chung. Ông H có trách nhiệm gửi ½ số tiền bán nhà vào ngân hàng đến khi các trẻ trưởng thành thì giao lại". Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Như vậy, phần tài sản chung là căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P của bà N và ông H đã được Tòa án giải quyết phân chia bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/9/2013, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P, yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc mua bán ½ căn nhà giữa ông H và bà Phó Thị Thu N1 để ông H trả lại cho bà ½ căn nhà bà cho các con.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện của bà N. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận P đã thụ lý đơn khởi kiện của bà N và tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu N, buộc ông Phí Văn H phải thực hiện thỏa thuận chia tài sản sau khi ly hôn, hoàn trả cho bà N số tiền trị giá ½ căn nhà số 245/3 Đường C, phường 2, Quận P tại thời điểm xét xử 1.092.605.940 đồng là không đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà N.

Về yêu cầu hủy giấy đặt cọc mua bán nhà ngày 27/3/1998 giữa ông Phi Văn Hưng và bà Phó Thị Thu N1. Bà N1 có yêu cầu độc lập trong vụ án, không đồng ý nội dung khởi kiện của bà N; yêu cầu công nhận căn nhà số 88/4 (số cũ 245/3) Đường C, phường 2, Quận P bà đã mua của ông H thuộc quyền sở hữu của bà.

Như trên đã phân tích, tài sản chung của bà N và ông H đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Bà N không có quyền khởi kiện. Các người con chung đều đã thành niên. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H, Bà N1 không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu độc lập của Bà N1, giữ nguyên như án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận P: Ngày 05/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận P có quyết định số 23/QĐKNPT-VKS-DS rút toàn bộ kháng nghị do kháng nghị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các người con của ông H – bà N là Phí Văn Hạnh, Phí Văn Anh Hào và Phi Sơn Hải không còn cần thiết. Căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện Kiểm sát, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận. Trả lại cho bà N, Bà N1 tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm bà N không phải chịu. Trả lại cho bà N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thu N; Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị của Viện Kiểm sát;

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Võ Thị Thu N về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn đối với căn nhà số 254/3 Đường C, phường 2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu N yêu cầu hủy giấy đặt cọc mua bán nhà ngày 27/3/1998 giữa ông Phí Văn H và bà Phó Thị Thu N1.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phó Thị Thu N1. Công nhận quyền sở hữu của Bà N1 đối với căn nhà số 88/4 (số cũ 254/3) Đường C, phường 2, Quận P. Bà N1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục mua bán và công nhận quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận về hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà giữa ông Phí Văn H và bà Phó Thị Thu N1.

Trả lại cho bà Võ Thị Thu N tiền tạm ứng án phí 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng đã nộp tại Biên lai thu số AB/2011/03746 ngày 22/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Trả lại cho bà Phó Thị Thu N1 tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số AC/2012/08100 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Võ Thị Thu N tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AC/2012/09782 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận P, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận P;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

